

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-PT

Ngày 04 - 9 - 2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Phi Yến

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hà Nam

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Mạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2024/TLPT- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*”; Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 18/2024/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ánh T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Đường C, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân P, sinh năm 1995; Địa chỉ: Đường C, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ liên hệ: Đường C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (có mặt);

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Xuân P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Xuân P có đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2018 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống tại đường C, phường

H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà sảy thai nên ông P có quan hệ bên ngoài, hai bên gia đình đã có trao đổi với nhau nhưng mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, từ đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2024. Trong thời gian ly thân, bà và ông P có trao đổi về tình cảm vợ chồng và con chung nhưng vẫn không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn tôn trọng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông P.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng bà có một con Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 05/6/2020. Ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian thực hiện cấp dưỡng từ khi có quyết định ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Xuân P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị Ánh T có quan hệ tình cảm và yêu thương nhau thật lòng, cả hai đã trải qua thời gian tìm hiểu khá dài trước khi tiến đến hôn nhân. Ngày 14/12/2018, ông và bà T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi kết hôn ông luôn chăm lo, vun đắp tình cảm, xây dựng gia đình hạnh phúc, bằng chứng kết quả là cháu Nguyễn Hải Đ được ra đời vào ngày 05/6/2020 trong sự yêu thương của bố mẹ. Trong thời gian sống chung, mặc dù là lao động chính trong gia đình với nhiều công việc khác nhau nhưng ông vẫn dành đủ thời gian để quan tâm vợ, bố mẹ vợ và chăm sóc con. Cụ thể hàng năm ông vẫn dành thời gian với gia đình để đi du lịch nhiều nơi.

Thời gian đầu sau kết hôn, bà T chưa có công việc ổn định và gần đây thì mới bắt đầu đi làm trở lại nhưng đó cũng chính là lúc bị kịch gia đình xảy ra. Tại nơi làm việc, bà T quen với một người đàn ông đã có gia đình. Sau thời gian đó, bà T bắt đầu có thái độ không bình thường với ông và cao trào dẫn đến cả hai đã chính thức ly thân. Mặc dù ông đã xin lỗi, tìm mọi cách khuyên can nhưng bà T vẫn không thay đổi ý định. Sau đó một thời gian thì ông nhận được thông báo của Tòa án nhân dân quận T về việc bà T khởi kiện ông để yêu cầu ly hôn. Hiện nay, vợ chồng đang ly thân, mặc dù ông và hai bên gia đình đã hết sức động viên, khuyên bảo nhưng vợ ông vẫn không thay đổi. Do đó, ông cảm thấy đời sống chung của hai vợ chồng không thể kéo dài nên ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, giải quyết cho ông và bà T được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 5/6/2020. Ly hôn, ông không chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà T bởi những lý do sau đây:

Bà T không hề quan tâm, chăm sóc chu đáo cháu Nguyễn Hải Đ. Thời điểm cháu còn nhỏ, ông là người chăm bẵm, bón cho cháu từng thìa cháo, cho cháu uống từng lọ thuốc mỗi lần cháu đau ốm. Thời điểm cháu đi học ông là người đi liên hệ trường lớp để cho cháu có một nơi học tập tốt nhất, mọi liên hệ từ giáo viên, trường lớp đều thông qua ông. Việc đến trường, đến lớp của cháu cũng là thường xuyên ông đưa đi và đón về. Thỉnh thoảng ông bận việc thì bà T mới là người đưa đón cháu, nhưng mặc dù có thời gian rảnh cũng như sau này là thời gian làm việc linh hoạt nhưng bà T không mấy khi đưa đón con mà nhờ vả ông bà ngoại của cháu đưa đón cháu. Đặc biệt ông bà ngoại làm kinh doanh ở chợ, nhiều lúc không trực tiếp chở cháu về nhà mà chở cháu ra chợ, nơi ông bà làm việc, môi trường “không tốt” cho sự phát triển của cháu. Đến thời điểm này cháu còn chưa tròn 04 tuổi, là thời điểm cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục từ bố và mẹ, nhưng với tư cách là một người mẹ bà T lại sa đà cùng bạn bè của mình. Một tuần có 03 đến 04 ngày là bà T đi nhậu cùng bạn bè hay đồng nghiệp. Những ngày nghỉ bà T cũng không hề vui chơi cùng cháu mà đưa cháu cho ông bà ngoại chăm, để ông bà ngoại chở cháu ra chợ nơi ông bà làm việc để trông nom. Việc này đã tiếp diễn rất nhiều lần và ông cho rằng, điều đó thực sự không tốt cho cháu.

Bà T không đủ khả năng tài chính để đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung tốt nhất. Hiện nay mức thu nhập của bà T chỉ đến từ một nguồn công việc duy nhất và không ổn định do phần lớn thu nhập dựa vào tiền thưởng doanh số, nếu tháng nào không đạt số thì chỉ hưởng lương cứng không bao nhiêu. Trên thực tế thời gian làm việc vừa qua, bà T cũng chẳng mấy khi đạt được doanh số để hưởng mức lương đủ để trang trải các chi phí nuôi dưỡng con một cách tốt nhất.

Trường hợp bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, nếu thu nhập của bà T cộng thêm khoản cấp dưỡng mà bà T yêu cầu thì cũng không đủ để chi trả cho các khoản chi phục vụ cho việc chăm sóc cháu Đ cụ thể như sau: tiền học 5.500.000 đồng, tiền ăn 3.000.000 đồng, tiền sữa 500.000 đồng, tiền khác 2.000.000 đồng, tổng cộng 11.000.000 đồng. Như vậy, bà T hoàn toàn không đủ khả năng tài chính để đảm bảo việc chăm sóc con phát triển toàn diện và bình thường như trước nay.

Bà T không có quỹ thời gian hợp lý để chăm sóc con chung. Hiện tại công việc của bà T là công việc sales, thường xuyên phải đi gặp khách hàng trong những khoảng thời gian không cố định, đặc biệt là nhiều lúc phải gặp sau giờ hành chính, tham gia tổ chức sự kiện cho công ty vào dịp cuối tuần hoặc ngày lễ để tìm kiếm khách hàng, khoảng thời gian này cũng chính là khoảng thời gian mà cháu Đ không đến trường và cần nhất sự quan tâm, chăm sóc và chia sẻ của bố mẹ. Song thời gian làm việc của ông thì cố định các khung giờ và luôn sắp xếp được thời gian đưa đón cháu Đ đi học, về nhà đồng thời chăm lo cơm nước, các hoạt động khác cho cháu.

Bà T không có tư cách, phẩm chất tốt để chăm sóc, giáo dục con cái. Như đã trình bày ở trên, ông rất ê chề, nhưng phải phôi bày sự thật về việc bà T là người đã có quan hệ tình cảm với một người khác đã có gia đình trong thời gian đang là vợ chồng với ông. Nếu như con ông mà biết được chuyện này, thì tâm lý của con sẽ

như thế nào, nó sẽ nghĩ thế nào về mẹ của nó và liệu những lời nói của mẹ nói dành cho nó có còn được lắng nghe hay không. Một người mẹ mà suốt ngày đêm hôm lại ra khỏi nhà rồi không biết bao giờ về, đêm nào cũng đi “nhậu” với bạn bè thì sẽ là tấm gương như thế nào cho con cái nhìn vào và sẽ ảnh hưởng như thế nào đến “tuổi thơ” cũng như định hình tính cách và nhận thức của cháu sau này.

Đối với ông thì ông có đủ điều kiện kiện về mọi mặt hơn bà T để nuôi dạy con với những lý do:

Về tài chính: Ông có mức thu nhập cao hơn nhiều lần so với bà T và mức thu nhập này là ổn định, đảm bảo chi trả các khoản chi phí cho nhu cầu cuộc sống của bản thân cũng như nuôi dưỡng cháu Đ đang phát sinh. Cụ thể ông hiện nay ông đang làm việc 04 công ty với tổng mức thu nhập cố định hàng tháng là 35.100.000 đồng.

Về thời gian: Mặc dù làm việc với nhiều đơn vị khác nhau nhưng ông làm việc theo thời gian cố định và làm việc online tại nhà, hiện nay và tương lai vẫn đảm bảo thời gian đưa đón, chăm sóc cháu Đ một cách tốt nhất.

Về nơi ở: Ông hiện tại mặc dù chưa có nhà ở thuộc quyền sở hữu nhưng đang thuê nhà thời gian dài hạn với chi phí thuê hợp lý sau khi trừ đi thì thu nhập vẫn đủ để đảm bảo chi trả các khoản khác cho nuôi cháu và vẫn “dư”. Đồng thời ông đang được gia đình hỗ trợ riêng để mua nhà ở trong thời gian tới và sẽ ổn định được nơi ở.

Về phẩm chất, đạo đức, điều kiện về tinh thần: Cháu Đ từ nhỏ đã quán bố, đồng thời ông luôn làm đúng chức trách, bổn phận của một người cha, người chồng, chưa hề có bất kỳ một hình ảnh xấu nào trong mắt con. Thời gian vợ chồng ly thân, mỗi lần đưa đón cháu, mặc dù cháu biết được ông bà đón về với mẹ nhưng khi thấy bố, cháu vẫn quyến luyến không rời và muốn được về nhà cùng với bố. Ông vẫn dành thời gian để đưa đón cháu tham gia câu lạc bộ xe chòi cho bé từ 2 tuổi vào thứ 5, 7 tại Cung thể thao T để cháu được tham gia các hoạt động ngoài trời và tự tin khi giao tiếp với các bạn đồng trang lứa cũng như đưa cháu đến các khu vui chơi mỗi khi có thời gian rảnh rỗi.

Về tâm sinh lý: Cháu Đ là con trai, nên quá trình nuôi dạy nếu chỉ được ở một trong hai bên thì việc cháu được ở với bố là người hiểu rõ giới tính của cháu thì sẽ có sự phát triển một cách toàn diện hơn về tâm sinh lý của cháu so với việc được nuôi dưỡng trực tiếp bởi mẹ của cháu.

Từ những lý lẽ trên, ông đề nghị Tòa án, không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con của bà T, giao con Nguyễn Hải Đ cho ông trực tiếp nuôi dưỡng và ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình sống chung, vợ chồng ông được bố mẹ vợ cho sống tại căn nhà đường C, quận T, thành phố Đà Nẵng và ông cũng đã đầu tư để sửa chữa, cải tạo ngôi nhà với chi phí lên đến 395.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi

lăm triệu đồng). Tuy nhiên, ông không có yêu cầu chia tài sản chung mà tình nguyện xây dựng, sửa chữa cho gia đình nhà vợ.

Về nợ chung: Vợ chồng không còn nợ chung với ai nên ông không yêu cầu giải quyết.

Quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 217 và điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Ánh T và ông Nguyễn Xuân P.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 05/6/2020 cho bà Phạm Thị Ánh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Ông Nguyễn Xuân P cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng); thời gian thực hiện cấp dưỡng nuôi con kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các bên vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Ánh T và ông Nguyễn Xuân P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 02/7/2024, bị đơn ông Nguyễn Xuân P nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm về con chung, ông đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con Nguyễn Hải Đ cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ngày 02/7/2024, bị đơn ông Nguyễn Xuân P nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, xét thấy đơn kháng cáo hợp lệ theo quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét kháng cáo.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Xuân P về con chung thì thấy:

[2] Trong thời kỳ hôn nhân, ông P và bà T có một con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 05/6/2020. Ly hôn, cả ông P và bà T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Nguyễn Hải Đ.

[3] HĐXX xét thấy: Nguyên vọng được nuôi con của ông P và bà T đều là chính đáng và điều đó thể hiện trách nhiệm của người làm cha, mẹ. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con trẻ. Cháu Đ hiện nay mới hơn 04 tuổi, độ tuổi của cháu rất cần có sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ đặc biệt là những lúc đau ốm. Bản thân bà T có nghề nghiệp và mức thu nhập ổn định, đảm bảo cho việc nuôi con. Mặc dù ông P cho rằng bà T không có trách nhiệm với con, mức thu nhập thì không ổn định, phẩm chất đạo đức không tốt nên không thể nuôi dưỡng, giáo dục con được nhưng ông Phúc không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh điều này. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông P có cung cấp thêm cho HĐXX chứng cứ là các nội dung tin nhắn giữa ông và bà T trong thời gian vợ chồng chung sống, tuy nhiên nội dung các tin nhắn này không chứng minh được việc bà T là người mẹ không biết quan tâm, chăm sóc, giáo dục con hay vi phạm về mặt đạo đức để cho rằng bà T nuôi con không tốt. HĐXX xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao con cho bà T nuôi dưỡng, đồng thời buộc ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 03 triệu đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vì vậy HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về con chung.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông P, giữ nguyên án sơ thẩm. HĐXX xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân P về con chung.

2. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 18/2024/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận T về con chung như sau:

Giao con Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 05/6/2020 cho bà Phạm Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Xuân P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Thời gian thực hiện cấp dưỡng nuôi con kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Các phần Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân P phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001355 ngày 05/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND quận T;
- CCTHADS quận T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Phi Yến